

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-PT
Ngày: 01 – 03 – 2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Đ, sinh năm 1972 (đã chết ngày 20/9/2018).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Đ, gồm:

1. Bà Yếp Thị S, sinh năm 1950

2. Bà Sơn Thị Kim H, sinh năm 1975

3. Chị Trương Kim N, sinh năm 1994

4. Anh Trương Thái P, sinh ngày 16/11/2003.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

5. Ông Trương Dương. Hiện định cư tại USA (Hoa kỳ).

Người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Trương Đ: Bà Yếp Thị S, sinh năm 1950. Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (theo Văn bản hợp hàng thừa kế thứ nhất ngày 14/3/2019 và văn bản ủy quyền ngày 21/7/2020, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Sơn Thị Kim H, bà Yếp Thị S, chị Trương Kim N, anh Trương Thái P: Bà Đặng Thúy P, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Sơn N, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Sơn N: Ông Lê Hoàng N, là Luật sư của Công ty Luật hợp doanh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Sơn Thị Kim H, sinh năm 1975 (vắng mặt)
2. Ông Thạch V, sinh năm 1944 (có mặt)
3. Ông Sơn Hồng N, sinh năm 1979 (vắng mặt)
4. Ông Thạch C, sinh năm 1961 (vắng mặt)
5. Bà Sơn Thị Sa N, sinh năm 1947 (vắng mặt)
6. Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1971 (có mặt)
7. Bà Triệu Thị N, sinh năm 1955 (có mặt)
8. Anh Sơn Pô T, sinh năm 1979 (có mặt)
9. Chị Sơn Thị Pô T, sinh năm 1980 (vắng mặt)
10. Chị Sơn Thị Phô T, sinh năm 1987 (có mặt)
11. Anh Huỳnh Sa L, sinh năm 1984 (vắng mặt)
12. Anh Lý Rích T, sinh năm 1978 (vắng mặt)
13. Anh Sơn Pô T, sinh năm 1984 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

14. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp Nhà T, thị trấn Châu H, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Ở hiện nay: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

15. Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng E – Chủ tịch (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Sơn N, sinh năm 1954 – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2017 của ông Trương Đ và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông

Trương Đ là bà Yếp Thị S trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là đường đi công cộng của các hộ dân, ông Sơn N tự ý xây dựng mái che lấn chiếm đường đi công cộng để giữ xe ô tô của khách đi tham quan Chùa H. Ông N cho xe ô tô đậu hết lối đi ra vào của các hộ dân sinh sống phía trong lối đi, trong đó có gia đình ông Đ. Vì vậy, ông Đ yêu cầu ông N tháo dỡ phần mái che khôi phục lại hiện trạng ban đầu phần đất đã lấn chiếm là đường đi công cộng chiều ngang 04m, dài 18m, đất tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn ông Sơn N trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của gia đình ông N nhận chuyển nhượng của ông Sơn D vào năm 1984 chiều ngang 04 tầm, dài 06 tầm (01 tầm tương đương 03m) với giá 2.000 đồng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Sơn S chiều ngang 03m, dài hết thửa đất với giá 6,5 chỉ vàng vào năm 1997. Việc gia đình ông N xây dựng mái che để giữ xe là xây dựng trên phần đất của ông N, không có lấn chiếm vào đường đi công cộng nên ông N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Kim H trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đ. Ngoài ra, bà H không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị N, bà Sơn Pô T, chị Sơn Pô T, chị Sơn Thị Phô T, anh Huỳnh Sà L, anh Lý Rích Th, anh Sơn Pô T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Sơn N. Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Thạch C, trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đ, yêu cầu gia đình ông Sơn N tháo dỡ phần mái che, khôi phục lại hiện trạng ban đầu lối đi công cộng cho người dân.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch V trình bày: Trước đây từ Hương lộ 6 vào phần đất của ông (khoảng 02 công tầm cây đã chuyển nhượng cho ông Trương Đ) có 01 đường đi công cộng chiều ngang khoảng 05m – 06m. Nay gia đình ông N chiếm lấy đường đi công cộng để xây dựng mái che nên ông V thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, yêu cầu gia đình ông N tháo dỡ phần mái che trả lại lối đi cho người dân sinh sống phía trong.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu trình bày: Phần diện tích đất tranh chấp chiều ngang 04m, dài 18m là phần lối đi hiện hữu hình thành sau thời điểm xây dựng công N khoảng năm 1996 – 1997. Đây là lối đi chung của người dân từ trước cho đến nay. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã phần đất này là lối đi chung của người dân và phục vụ vào mục đích công cộng, đã có phương án xây dựng đường nông thôn phục vụ việc đi lại cho người dân nhưng chờ nguồn vốn để xây dựng.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đ đối với ông Sơn N về việc yêu cầu ông Sơn N tháo dỡ một phần mái che xây dựng lấn chiếm lối đi công cộng chiều ngang 04m x dài 18m = 72m² tại một phần thửa 754 tờ bản đồ số 04 và một phần lộ đất cũ, đất tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc ông Sơn N, bà Triệu Thị N, anh Sơn Pô T, chị Sơn Thị Pô T, chị Sơn Thị Phô T, anh Huỳnh Sa L, anh Lý Rích T, anh Sơn Pô T tháo dỡ phần mái che bằng khung sườn thép tiền chế, mái tol thiếc + lưới diện tích 1,5m x 12,6m = 18,9m², khôi phục lại hiện trạng ban đầu lối đi công cộng chiều ngang 04m x dài 18m = 72m² cho các hộ dân (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quyền yêu cầu thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2020, bị đơn ông Sơn N kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết khi có đương sự ở nước ngoài là không đúng thẩm quyền; yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đ, công nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp cho ông. Tại phiên tòa, ông Sơn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Sơn N trình bày: Về tố tụng thì giấy ủy quyền của ông Trương D là chưa đúng quy định. Về nội dung: Cấp sơ thẩm giải quyết chưa đúng nội dung vụ án; biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và sơ đồ trích đo hiện trạng thể hiện chưa đúng hiện trạng sử dụng đất. Các văn bản của Cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân xã H đều xác định lối đi công cộng đang tranh chấp hình thành sau khi hình thành cống nước mặn, trước đó người dân sinh sống và đi trên con đường nào chưa được xem xét, giải quyết. Quá trình sử dụng đất, gia đình ông Sơn N trồng cây, làm hàng rào không tranh chấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Sơn N, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Sơn Thị Kim H, bà Yếp Thị S, chị Trương Kim N, anh Trương Thái P trình bày: Các văn bản của Cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân xã H đề xác định đất công cộng và là lối đi chung của người dân; ông Sơn N cho rằng đất của ông nhưng ông không chứng minh được và ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của ông Sơn N, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Sơn N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm

số: 62/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Sơn N trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Sơn Thị Pô T, anh Huỳnh Sa L, anh Lý Rích T vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Sơn Thị Kim H, ông Sơn Hồng N, ông Thạch C, bà Sơn Thị Sa N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt và không rõ lý do; căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Ông Sơn N kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử không đúng thẩm quyền do người kế thừa quyền và nghĩa vụ nguyên đơn là ông Trương Đ đang định cư ở Hoa Kỳ, xét thấy: Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 7 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “...Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, nếu trong quá trình giải quyết mới có sự thay đổi, như có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án, Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã thụ lý tiếp tục giải quyết vụ việc dân sự đó”; xét thấy tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Trương Đ với ông Sơn N thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm thì nguyên đơn ông Trương Đ chết, trong những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trương Đ thì có ông Trương D đang định cư ở Hoa Kỳ, cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định; ông Trương D có văn bản ủy quyền cho bà Yết Thị S (bút lục số 301), cấp sơ thẩm không ủy thác tư pháp là đúng quy định. Do đó, kháng cáo này của ông Sơn N là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của ông Sơn N yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đ, xét thấy:

[3.1] Ông N xác định phần đất tranh chấp do ông nhận chuyển nhượng của ông Sơn D chiều ngang 04 tầm, dài 06 tầm (01 tầm tương đương 03m) vào ngày 12/10/1984 (bút lục số 67) và nhận chuyển nhượng của ông Sơn S chiều ngang 03m vào ngày 26/11/1997 (bút lục số 91); khi nhận chuyển nhượng đất các bên có làm giấy sang đất, tuy nhiên trong các giấy sang đất chỉ thể hiện chiều ngang, chiều dài, riêng tờ sang nhượng đất thổ cư của ông Sơn D thể hiện ông D chuyển nhượng phần đất sát lộ chiều ngang 04 tầm (12m) cho bà Triệu Thị N nhưng không

thể hiện vị trí đất tứ cạnh giáp đất của ai, ông N và bà N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất này. Theo Sổ mục kê xã H thể hiện thửa 754 tờ bản đồ số 4 có diện tích là 720m² (trong đó có 300m² đất thổ cư, 420m² đất trồng cây lâu năm); khi đó phần đất ông N, bà N đang sử dụng diện tích 174,2m², diện tích đất ông N nhận chuyển nhượng của ông D và ông S là 270m²; điều này phù hợp với lời khai của ông N tại phiên tòa sơ thẩm là khi Nhà nước làm cống Nước mặn đã thu hồi đất của ông chiều ngang khoảng 03m nên ông nhận chuyển nhượng thêm phần đất của ông Sơn S để di dời nhà vào phía trong như hiện nay và phù hợp với lời khai của bà Kim Thị S, ông Sơn S vào ngày 09/9/2020, ông Liêu P (tên thường gọi: Đ – nguyên là Trưởng ấp N) và bà Trần Tuyết L (hiện là Trưởng ấp N) vào ngày 21/9/2020 đều thể hiện ông Sơn N có một phần đất tại thửa 754 do nhận chuyển nhượng của ông Sơn D, khi Nhà nước xây dựng cống N đã giải tỏa vào phần đất của ông Sơn N chiều ngang khoảng 03m nên ông N chuyển nhượng thêm phần đất của ông Sơn S chiều ngang 03m để di dời nhà vào phía trong như hiện nay và đã xây hết thửa đất. Ngoài ra, bà L xác định khi ông Đ xây nhà để ở thì đã có lối đi như hiện nay, ông Đ làm hăng nước đá nên có đổ thêm đá lên đường đi để xe tải ra vào được thuận tiện. Lối đi hiện nay chiều ngang khoảng 04m là lối đi công cộng của người dân, không phải là đất của ông N.

[3.2] Tại Công văn số 117/UBND-NC ngày 29/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện V và Công văn số 178/TNMT ngày 18/9/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V thể hiện: Phần đất tranh chấp diện tích 72m², trong đó có 52m² thuộc phạm vi hành lang an toàn lộ giới và 20m² ngoài phạm vi hành lang an toàn Đường tỉnh 976 (Hương lộ 6 cũ) không thuộc phạm vi thềm cống N; phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 754, tờ bản đồ số 4 và một phần lộ đất cũ thể hiện trong bản đồ. Phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bất kỳ hộ gia đình, cá nhân nào; thửa 754, tờ bản đồ số 4 trong Sổ mục kê ghi tên Sơn N; phần lối đi hiện hữu hình thành sau thời điểm xây dựng cống N khoảng năm 1996 – 1997. Tại Công văn số 30/CV-UBND ngày 08/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã H thể hiện: Diện tích đất tranh chấp chiều ngang 4m, dài 18m là phần lối đi hiện hữu hình thành sau thời điểm xây dựng cống N khoảng năm 1996 – 1997; đây là lối đi chung của người dân từ trước cho đến nay; quan điểm của Ủy ban nhân dân xã phần đất này là lối đi chung của người dân và phục vụ vào mục đích công cộng, đã có phương án xây dựng đường nông thôn phục vụ việc đi lại cho người dân nhưng chờ nguồn vốn để xây dựng.

[3.3] Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đ về việc yêu cầu ông Sơn N tháo dỡ một phần mái che xây dựng lấn chiếm lối đi công cộng chiều ngang 04m x dài 18m = 72m², thuộc một phần thửa số 754, tờ bản đồ số 04 và một phần lộ đất cũ, đất tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ.

[4] Ông Sơn N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết công nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp cho ông, xét thấy: Tại cấp sơ thẩm, ông Sơn N

không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu này, do đó cấp phúc thẩm không giải quyết yêu cầu kháng cáo này của ông Sơn N.

[5] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Sơn N và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Sơn N; có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Sơn Thị Kim H, bà Yếp Thị S, chị Trương Kim N, anh Trương Thái P và ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm, do ông Sơn N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí phúc thẩm, nên được miễn nộp toàn bộ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 159, 175 và Điều 211 Bộ luật Dân sự; Điều 100 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Sơn N. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đ đối với ông Sơn N về việc yêu cầu ông Sơn N tháo dỡ một phần mái che xây dựng lấn chiếm lối đi công cộng chiều ngang 04m x chiều dài 18m = 72m² tại một phần thửa 754 tờ bản đồ số 04 và một phần lộ đất cũ, đất tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Buộc ông Sơn N, bà Triệu Thị N, anh Sơn Pô T, chị Sơn Thị Pô T, chị Sơn Thị Phô T, anh Huỳnh Sa L, anh Lý Rích T, anh Sơn Pô T tháo dỡ phần mái che bằng khung sườn thép tiền chế, mái tol thiếc + lưới diện tích 1,5m x 12,6m = 18,9m², khôi phục lại hiện trạng ban đầu lối đi công cộng chiều ngang 04m x chiều dài 18m = 72m² cho các hộ dân. Phần đất có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất thêm Công N có số đo 18m;

Hướng Tây giáp đất của ông Sơn N đang sử dụng không tranh chấp (có một phần đang thuộc lối đi hiện hữu) có số đo 18m;

Hướng Nam giáp với phần đất lối đi công cộng có số đo 04m;

Hướng Bắc giáp đường tỉnh 976 (Hương lộ 6 cũ) có số đo 04m.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 550.000 đồng, ông Sơn N phải chịu toàn bộ; ông Trương Đ đã nộp tạm ứng số tiền 550.000 đồng và đã chi phí hết, buộc ông Sơn N phải nộp số tiền 550.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu để hoàn trả lại cho ông Trương Đ (do bà Yếp Thị S đại diện nhận).

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Sơn N chịu 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Trương Đ không phải chịu. Ông Trương Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004453 ngày 30/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại (do bà Yếp Thị S đại diện nhận).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Sơn N được miễn nộp toàn bộ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;

- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lệ Kiều